

HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP SỚM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

NGUYỄN HOÀNG MỸ LINH*
NGUYỄN THỊ MINH TRANG**

Can thiệp sớm là biện pháp được Chính phủ nhiều nước trên thế giới áp dụng rộng rãi nhằm ngăn chặn kịp thời rủi ro và tình huống xấu có thể xảy ra đối với các tổ chức tín dụng, tránh hiệu ứng lan tỏa đe dọa an ninh toàn hệ thống. Tại Việt Nam, can thiệp sớm được thực hiện bởi Ngân hàng Nhà nước, được luật hóa từ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017) và được phát triển chi tiết trong Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Bài viết đánh giá các điểm hoàn thiện và hạn chế trong khung pháp lý về hoạt động can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, từ đó, đề xuất một số nội dung về điều kiện kích hoạt can thiệp sớm cũng như trao quyền tự quyết rộng mở hơn cho Ngân hàng Nhà nước, góp phần thúc đẩy sự bền vững và phát triển lành mạnh cho hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

Từ khóa: Can thiệp sớm; tổ chức tín dụng; Ngân hàng Nhà nước; ngăn chặn rủi ro.

Early intervention is a regulatory measure widely adopted by governments worldwide to promptly prevent risks and adverse situations that may occur in credit institutions, thereby avoiding a domino effect that could threaten systemic stability. In Vietnam, early intervention is implemented by the State Bank of Vietnam (SBV), first codified in the 2010 Law on Credit Institutions (amended in 2017), and later developed into a more detailed and comprehensive framework in the 2024 Law on Credit Institutions. This article evaluates both the improvements and limitations of the legal framework governing the SBV's early intervention activities. It proposes refinements regarding the activation conditions for early intervention and recommends granting broader discretionary authority to the SBV. These adjustments are expected to promote the sustainability and sound development of Vietnam's credit institution system.

Keywords: Early intervention; credit institutions; State Bank of Vietnam; risk prevention.

NGÀY NHẬN: 28/8/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 16/10/2025 NGÀY DUYỆT: 14/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.358.2025.1356>

1. Đặt vấn đề

Hoạt động can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước là nội dung được chú trọng đặc biệt bởi có ý nghĩa trong việc phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức tín dụng yếu kém hoặc tiềm ẩn các nguy cơ dẫn đến sự ngưng

trệ hay thậm chí là phá sản của chính tổ chức tín dụng đó; đồng thời, ngăn chặn hậu quả xấu xảy ra trước khi quá muộn, gây ảnh

* TS, Trường Đại học Ngoại thương

** Trường Đại học Ngoại thương

hưởng tới toàn bộ an ninh hệ thống và nền kinh tế. Trên thực tế, sự cố rút tiền hàng loạt tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (Saigon Commercial Bank - SCB) vào cuối năm 2022 gây tác động lớn tới tâm lý thị trường và thanh khoản của toàn bộ hệ thống tín dụng đã minh chứng cho sự cần thiết phải nhanh chóng hoàn thiện quy định pháp luật về can thiệp sớm các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận về hoạt động can thiệp sớm đối với các tổ chức tín dụng

Ngân hàng Thanh toán quốc tế (Bank for International Settlements - BIS), tổ chức quốc tế thuộc sở hữu của các ngân hàng trung ương từ 63 quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã ban hành khung khổ “Chế độ giám sát sớm đối với ngân hàng yếu kém”¹ vào năm 2018. Theo đó, can thiệp sớm thực chất có tên gọi đầy đủ là can thiệp giám sát sớm, được hiểu là các biện pháp, hành động can thiệp của cơ quan giám sát đối với các tổ chức tín dụng, đặc biệt là ngân hàng nhằm yêu cầu tổ chức tín dụng giải quyết điểm yếu của họ một cách kịp thời trước các nguy cơ xấu có khả năng xảy ra, như: mất khả năng chi trả, thua lỗ, phá sản. Mục đích của can thiệp sớm là để khắc phục các nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động kinh doanh hoặc dẫn đến phá sản trong các tổ chức tín dụng; giảm thiểu hậu quả của sự đổ vỡ, giảm chi phí cho các tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tài chính công khi tổ chức tín dụng mất khả năng thanh toán cho người gửi tiền; hoặc hạn chế tác động lan tỏa tới nền kinh tế nói chung thông qua các giải pháp kịp thời và có trình tự².

Trong thực tiễn, đã có một số quốc gia thiết lập cơ chế can thiệp sớm riêng trước khi BIS ban hành khung khổ nói trên để trực tiếp giải quyết các điểm yếu của ngân hàng tại nước họ. Lần đầu tiên, chế độ can thiệp sớm chính thức được công nhận tại Hoa Kỳ vào năm 1991 thông qua *Đạo luật Tái thiết*

và *cải cách ngân hàng* (Prompt Corrective Action - PAC)³. Ngoài ra, Liên minh châu Âu (EU) đã đưa vào áp dụng cơ chế các biện pháp can thiệp sớm (Early Intervention Measures - EIM) từ năm 2014. Sự khác biệt chính giữa các chế độ này nằm ở các chỉ số dùng để kích hoạt các biện pháp can thiệp sớm và phạm vi quyền hạn, mức độ được phép quyết định kích hoạt can thiệp sớm của cơ quan giám sát. PCA chỉ dựa vào các chỉ số về vốn làm dấu hiệu để tiến hành can thiệp sớm, chẳng hạn tỷ lệ đòn bẩy hay tỷ lệ vốn cấp 1 rủi ro. Trong khi đó, EIM xem xét các chỉ số tổng hợp, như: xếp hạng giám sát, các sự kiện được cơ quan giám sát cho là quan trọng, như: độ an toàn vốn, chất lượng tài sản, năng lực quản lý, tính thanh khoản hay độ nhạy cảm với rủi ro thị trường của một tổ chức tín dụng. PCA yêu cầu cơ quan giám sát thực hiện can thiệp sớm khi các yếu tố kích hoạt nói trên bị vi phạm và chỉ rõ các biện pháp nào cần thực hiện; trong khi EIM chỉ yêu cầu cơ quan giám sát quyết định có nên can thiệp sớm hay không và cho phép họ lựa chọn các công cụ can thiệp sớm một cách linh hoạt. Nhiều quốc gia, như: Ấn Độ, Nhật Bản, Philippin đang áp dụng cơ chế can thiệp giám sát sớm có sự giao thoa giữa hai cơ chế PCA và EIM⁴.

Theo khung khổ của BIS, can thiệp giám sát sớm đối với các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là can thiệp sớm) được chia thành hai loại: can thiệp sớm thường xuyên và can thiệp sớm chính thức⁵. Can thiệp sớm thường xuyên là việc giám sát viên sử dụng quyền hạn thường trực để hành động theo phán đoán chính họ dựa trên các khung khổ, mô hình và hướng dẫn nội bộ của ngân hàng trung ương hoặc cơ quan quản lý thận trọng vĩ mô, như mô hình của Vương quốc Anh, Trung Quốc. Trong khi đó, can thiệp sớm chính thức là việc giám sát viên kích hoạt các hành động can thiệp nếu tổ chức

tín dụng vi phạm các điều kiện hoặc ngưỡng an toàn theo quy định⁶. Can thiệp sớm chính thức có các tiêu chí, điều kiện được xác định một cách rõ ràng và cụ thể, dễ áp dụng hơn và mức độ can thiệp sâu hơn, có thể bao gồm các biện pháp tác động trực tiếp, như loại bỏ và thay thế các nhà quản lý cấp cao. Tuy nhiên, nhược điểm của cơ chế can thiệp sớm chính thức là không thể dự báo trước các trường hợp mới phát sinh cho nên có phần kém linh động. Ngược lại, can thiệp sớm thường xuyên được kích hoạt dựa trên đánh giá tự chủ của giám sát viên về tình trạng bền vững của tổ chức tín dụng, trao quyền quyết định mạnh mẽ cho cơ quan giám sát, linh hoạt hơn khi xử lý các trường hợp phát sinh. Nhưng cơ chế này có thể dẫn đến các quyết định thực hiện can thiệp sớm không khách quan, mức độ can thiệp sớm khó triệt để do thiếu căn cứ rõ ràng và bao gồm cả các biện pháp không chính thức như đưa ra các khuyến nghị hoặc sử dụng sức ép về mặt đạo đức. Chính vì vậy, việc phối hợp cả hai cơ chế này là cần thiết để ngăn chặn sự suy giảm tài chính của các tổ chức tín dụng trước khi trở nên nghiêm trọng và duy trì sự bền vững của tổ chức tín dụng, giảm thiểu rủi ro cho toàn bộ hệ thống tài chính.

3. Pháp luật về hoạt động can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam

Việt Nam quy định về hoạt động can thiệp sớm đối với các tổ chức tín dụng chỉ mới có từ năm 2017 khi *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2010 được sửa đổi bổ sung và gần đây nhất được quy định tại *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024.

Cụ thể, theo khoản 2 Điều 1 *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng* năm 2017, can thiệp sớm là việc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng khắc phục tình trạng: (1) Không duy trì được

tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 3 tháng liên tục; (2) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 6 tháng liên tục; (3) Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt. Điều 130a *Luật* này cũng quy định các phương án khắc phục chi tiết đối với các tổ chức tín dụng rơi vào các trường hợp trên, tùy thuộc vào từng trạng thái cụ thể của các tổ chức tín dụng được can thiệp sớm. Cách định nghĩa về can thiệp sớm trong *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 cũng tương tự như vậy, nhưng chi tiết và mở rộng phạm vi hơn tại khoản 3 Điều 4 và được bổ sung tại Điều 156 của *Luật* này.

Nếu đối chiếu vào khung khổ hướng dẫn của BIS, quy định về hoạt động can thiệp sớm đối với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam hiện nay mang đặc trưng của can thiệp sớm chính thức. Trong đó, các hoạt động can thiệp bởi giám sát viên như thu hẹp phạm vi hoạt động, hạn chế giao dịch lớn, tăng vốn điều lệ... sẽ được kích hoạt nếu các tổ chức tín dụng vi phạm các ngưỡng an toàn thiết lập bởi Ngân hàng Nhà nước. Như vậy, quy định pháp lý về can thiệp sớm tại Việt Nam là rất mới và đơn giản.

Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 chính thức được thông qua sau nhiều lần dự thảo, can thiệp sớm là một trong 6 nhóm quy định, chính sách quan trọng nhất của *Luật* này. Không chỉ được gói gọn trong một điều luật như trước, nội dung về can thiệp sớm với các tổ chức tín dụng được mở rộng và chi tiết hơn trong Chương IX. So với *Luật* cũ, *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 có một số điểm khác biệt đáng kể và cải thiện về hoạt động can thiệp sớm, như sau:

Một là, *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 bổ sung trường hợp Ngân hàng Nhà nước ra quyết định can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt (điểm d khoản 1 Điều 156) và trường hợp số lỗ lũy kế

của tổ chức tín dụng vượt quá 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và quỹ dự trữ trong báo cáo tài chính (điểm a khoản 1 Điều 156).

Hai là, phương án khắc phục đối với các tổ chức tín dụng bị can thiệp sớm được phân chia thành nhiều mức độ căn cứ vào kết quả giám sát, thanh tra, tùy theo mức độ, vấn đề gặp phải của từng tổ chức tín dụng. *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2017 đưa ra 5 phương án khắc phục và không được xếp theo thứ tự về mức độ yếu kém hay tính nghiêm trọng của các vấn đề mà tổ chức tín dụng đang gặp phải. *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 đã cải thiện được hạn chế này. Căn cứ kết quả giám sát, Ngân hàng Nhà nước có thể “yêu cầu”, “hạn chế” đến “đình chỉ, tạm đình chỉ” (Điều 157); và theo đó, các tổ chức tín dụng có thể xây dựng các phương án: phương án khắc phục, phương án hỗ trợ trước kiểm soát đặc biệt, phương án sáp nhập, hợp nhất, phương án giải thể... tùy theo tình trạng của tổ chức tín dụng (Điều 158). Với điểm mới này, *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 đã tạo ra quy trình về can thiệp sớm chi tiết, rõ ràng, có tính hệ thống và khoa học hơn.

Ba là, bổ sung biện pháp hỗ trợ tổ chức tín dụng được can thiệp sớm (Điều 159). Việc bổ sung nội dung này trong *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024 đã góp phần đưa ra phương hướng giải quyết chung cho các tổ chức tín dụng, như vậy, thay vì chỉ áp dụng Quy chế giám sát tăng cường dựa trên các biện pháp hỗ trợ trong giai đoạn kiểm soát đặc biệt riêng lẻ cho từng ngân hàng thương mại. Đây là điểm mới mang tính thời sự, cập nhật tình hình thực tiễn kịp thời.

Bốn là, bổ sung trường hợp tổ chức tín dụng được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt khi hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà tổ chức tín dụng không khắc phục được tình trạng cần can thiệp sớm thì

phải thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động (khoản 8 Điều 160). Quy định được bổ sung đã tạo động lực thúc đẩy các tổ chức tín dụng nỗ lực vượt qua tình trạng bị can thiệp sớm để tránh bị đưa vào kiểm soát đặc biệt; đồng thời, cùng đưa ra thêm phương án xử lý cho các trường hợp can thiệp sớm phức tạp hơn.

Năm là, vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động can thiệp sớm đã được cụ thể hóa rõ ràng hơn. Ngân hàng Nhà nước không chỉ là cơ quan “xem xét” mà chính là cơ quan “quyết định thực hiện can thiệp sớm” và phê duyệt áp dụng các biện pháp hỗ trợ cho các tổ chức tín dụng được can thiệp sớm. Việc quy định rõ vai trò của Ngân hàng Nhà nước không chỉ thể hiện mức độ quyền hạn mà còn tăng cường trách nhiệm giám sát, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém của Ngân hàng Nhà nước.

4. Những bất cập về hoạt động can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước theo *Luật Các tổ chức tín dụng* năm 2024

Thứ nhất, về trường hợp thực hiện can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong thời gian 6 tháng liên tục (điểm d khoản 1 Điều 156). Ở đây có một vấn đề nằm ở thời gian vi phạm tỷ lệ an toàn vốn kéo dài tới nửa năm, trong khi khung PCA tại nhiều nước quy định thực hiện kích hoạt ngay can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu. Với lĩnh vực ngân hàng, việc đo lường và hạch toán kế toán vốn rất phức tạp, không ít trường hợp vốn chủ sở hữu của ngân hàng đã bị âm, nhưng bởi các quy tắc hạch toán kế toán nên trên mặt sổ sách, số liệu này vẫn dương trong một thời gian, cho đến khi Ngân hàng Nhà nước phát hiện ngân hàng không đủ vốn an toàn tối thiểu thì có thể đã quá muộn để khắc phục hậu quả. Hơn nữa, tỷ lệ vốn tối thiểu là bao gồm cả vốn khác ngoài vốn tự có của ngân hàng

với mức độ an toàn thấp. Tức là ngay cả khi chạm ngưỡng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cũng không loại trừ khả năng khi đó vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng đã ở mức đáng báo động. Vì vậy, quy định này chưa thật sự chặt chẽ, dẫn đến việc áp dụng can thiệp sớm có thể không bảo đảm tính khắc phục kịp thời như mục đích của nó.

Thứ hai, Luật mới đã bổ sung các biện pháp hỗ trợ trường hợp tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt, trong đó có các khoản vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc từ tổ chức tín dụng khác (điểm c khoản 3 Điều 119). Tuy nhiên, vẫn chưa có quy định cụ thể về giới hạn thời hạn áp dụng can thiệp sớm, mà chỉ quy định thời hạn này được Ngân hàng Nhà nước nêu trong các văn bản yêu cầu dành cho tổ chức tín dụng, dẫn đến khó xác định được thời hạn của các khoản vay đặc biệt, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thu hồi của các khoản vay vốn đã không có tài sản bảo đảm này.

Thứ ba, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 chỉ tập trung vào cơ chế can thiệp sớm chính thức. Các tiêu chí an toàn đặt ra trong Luật có thể chỉ phản ánh được bề nổi của các rủi ro và bỏ sót những điểm yếu kém đã tích lũy trong thời gian dài, như ví dụ về xói mòn vốn chủ sở hữu của ngân hàng nêu trên. Nếu thiếu đi cơ chế can thiệp sớm thường xuyên thì không thể tránh khỏi nguy cơ các tổ chức tín dụng sẽ trở nên mất đi khả năng phát triển an toàn và lành mạnh khi có một cú sốc hoặc sự kiện đột ngột nào đó tác động, dù tổ chức tín dụng đó đang có tài chính tốt ở thời điểm hiện tại.

Thứ tư, phạm vi quyền của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động can thiệp sớm vẫn hẹp. Theo khung khổ hướng dẫn của BIS, các điều kiện kích hoạt can thiệp sớm được định lượng trước và cố định sẽ không thể đáp ứng được sự phát triển phức tạp của ngân hàng, nên việc trao quyền cho giám sát

viên dự đoán và quyết định trường hợp cần can thiệp sớm giúp phản ứng linh hoạt và kịp thời các trường hợp mới phát sinh. Theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Ngân hàng Nhà nước sẽ chỉ được xem xét và quyết định thực hiện can thiệp sớm trong các trường hợp được liệt kê sẵn. Điều này không những không dự liệu được hết các trường hợp phát sinh trong tương lai mà còn làm giảm động lực tăng cường trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

5. Một số kiến nghị

Dựa trên khung khổ hướng dẫn của BIS về hoạt động can thiệp sớm các ngân hàng yếu kém; các phân tích, đánh giá về điểm hoàn thiện và hạn chế của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; đồng thời, học hỏi kinh nghiệm từ một số quốc gia có điểm tương đồng về hệ thống tổ chức tín dụng, bài viết đề xuất một số nội dung nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước tại Việt Nam.

Một là, tỷ lệ an toàn vốn cần được phân chia chi tiết theo các cấp độ, trong đó, tỷ lệ vốn cấp 1, tức là loại vốn cổ phần phổ thông có chất lượng cao nhất nên được sử dụng làm điều kiện kích hoạt can thiệp sớm. Tại Philippines, quốc gia có hệ thống tổ chức tín dụng khá tương đồng với Việt Nam, điều kiện kích hoạt can thiệp sớm là vi phạm tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu là 7,5%, bao gồm cả vốn cấp 2 thì tổng cộng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu khoảng 12%. Trong khi ngưỡng an toàn về tỷ lệ vốn trong Luật Các tổ chức tín dụng là 8%, tức là bao gồm cả các loại vốn có độ an toàn thấp cả về lượng và chất. Sử dụng tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 và nâng cao tỷ lệ này làm điều kiện cho ngưỡng an toàn của can thiệp sớm không chỉ giảm thiểu tình trạng các tổ chức tín dụng suy yếu đến mức không thể phục hồi vào thời điểm kích hoạt can thiệp sớm mà còn tạo động lực để các tổ chức tín

dụng nâng cao tỷ lệ an toàn vốn theo mục tiêu đề ra tại Đề án: “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025”.

Hai là, cần bổ sung thời hạn tối đa mà Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng thực hiện khắc phục tình trạng được can thiệp sớm, tùy thuộc vào từng mức độ. Từ đó, có căn cứ để xác định thời gian tương đối của các khoản vay đặc biệt. Ngoài ra, cần làm rõ trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước và các bên liên quan trong trường hợp không thu hồi được khoản vay đặc biệt, làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của các tổ chức tín dụng cho vay.

Ba là, bổ sung các quy định liên quan đến cơ chế can thiệp sớm thường xuyên. Như đã phân tích ở trên, can thiệp sớm thường xuyên tạo thuận lợi cho việc xử lý linh hoạt các trường hợp mới phát sinh trong tương lai mà can thiệp sớm chính thức không thể dự liệu hết. Việc phối hợp cả hai cơ chế này là cần thiết để ngăn chặn sự suy giảm tài chính của các tổ chức tín dụng trước khi trở nên nghiêm trọng và duy trì sự bền vững của tổ chức tín dụng, giảm thiểu rủi ro cho toàn bộ hệ thống tài chính.

Bốn là, trao quyền tự quyết rộng mở hơn cho Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, cần có căn cứ pháp lý vững chắc hơn để thực hiện giám sát, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng. Khi đó mới thật sự bảo đảm yếu tố “giám sát” thường bị lãng quên trong can thiệp sớm. Tuy nhiên, quyền tự quyết của cơ quan giám sát chủ yếu có trong cơ chế can thiệp sớm thường xuyên, như đã nêu trong cơ sở lý luận dựa trên khung khổ hướng dẫn của BIS. Vì vậy, cơ chế can thiệp sớm thường xuyên cần phải được bổ sung trong Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

6. Kết luận

So với nhiều quốc gia trên thế giới, can thiệp sớm tại Việt Nam được quy định muộn

hơn. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc thực hiện đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, song nội dung về hoạt động can thiệp sớm còn rất hạn chế cả về mặt số lượng và chất lượng. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 ra đời đã khắc phục đáng kể các thiếu sót trước đó, hứa hẹn sẽ đem lại khung pháp lý vững chắc và đầy đủ để thực hiện can thiệp sớm, góp phần xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém trong thời gian tới. Tuy nhiên, Luật vẫn cần phải điều chỉnh một số điều kiện kích hoạt can thiệp sớm, cũng như trao quyền rộng mở hơn cho Ngân hàng Nhà nước để linh hoạt tự quyết các trường hợp cần thực hiện can thiệp sớm phức tạp sẽ phát sinh trong tương lai□

Chú thích:

1. Jean-Philippe Svoronos. Early intervention regimes for weak banks. “FSI Insights on policy implementation” No 6, 03/4/2018.

2, 3, 4, 5. Jean-Philippe Svoronos. Early intervention regimes for weak banks. “FSI Insights on policy implementation”. No 6, 03/4/2018, tr. 2, 18, 1, 3.

6. Can thiệp sớm ngân hàng: Đây là vấn đề khó nhất và đau đầu nhất?. <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn>, ngày 31/10/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2010, 2017, 2024). Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024).

2. Căn nhắc quy định về can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng. <https://tapchitaichinh.vn>, ngày 15/01/2024.

3. Đánh giá nhanh tác động của Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi (2024) đến thị trường tài chính-ngân hàng. <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn>, ngày 27/01/2024.

5. Quá trình áp dụng tiêu chuẩn Basel II tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. <https://tapchikinhthetachinh.vn>, ngày 30/10/2022.

6. Sự cố rút tiền hàng loạt tại SCB tác động lớn tới thanh khoản, thị trường. <https://laodong.vn>, ngày 08/01/2024.